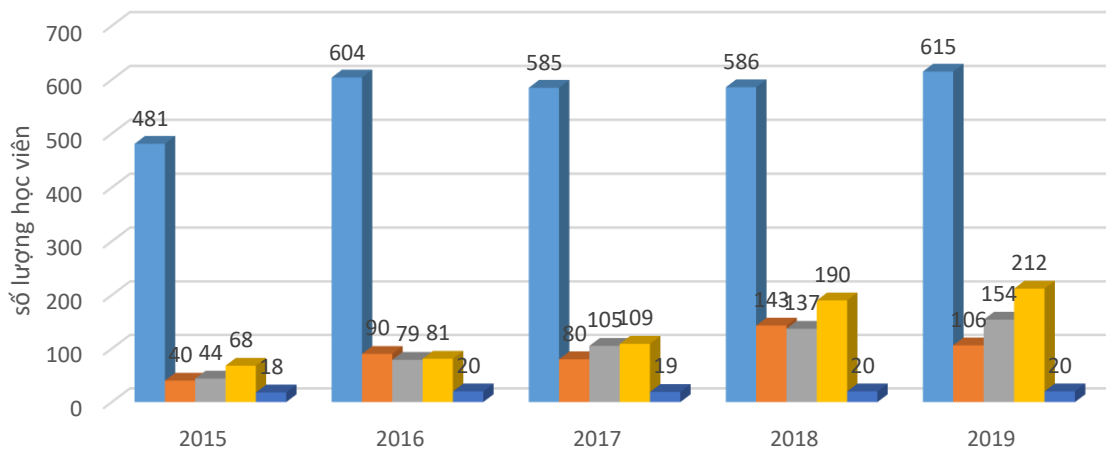


Stt	Loại hình đào tạo/Tên ngành	2015	2016	2017	2018	2019
Chuyên khoa I						
1	Nội khoa	79	142	126	155	254
2	Ngoại khoa	8	23	33	29	24
3	Sản phụ khoa	13	34	45	37	28
4	Nhi khoa	46	90	100	73	71
5	Tai Mũi Họng	6	17	16	12	20
6	Y Học Gia đình	127	199	139	114	56
7	Y học cổ truyền	10	25	42	71	54
8	Nhãn khoa	5	9	9	8	6
9	Ung thư	3	5	4	5	5
10	Y học chức năng	6	22	26	13	3
11	Da liễu	12	28	28	27	22
12	Thần kinh - Tâm thần	3	10	17	21	24
13	Lao và bệnh phổi	0	0	0	7	15
14	Y học hình thái	0	0	0	1	2
15	Chẩn đoán hình ảnh	0	0	0	13	31
Tổng		318	604	585	586	615
Chuyên khoa II						
1	Nội khoa	23	46	43	66	33
2	Ngoại khoa	4	16	17	18	6
3	Sản phụ khoa	2	9	6	23	28
4	Nhi khoa	7	10	4	11	12
5	Tai Mũi Họng	2	6	4	7	3
6	Ung thư	0	0	1	2	1
7	Y học cổ truyền	2	2	3	4	3
8	Da liễu	0	1	2	6	5
9	Thần kinh	0	0	0	1	2
10	Ngoại tiết niệu	0	0	0	1	4
11	Chấn thương chỉnh hình	0	0	0	4	9
Tổng		40	90	80	143	106
Bác sỹ nội trú						
1	Nội khoa	4	15	22	27	27
2	Ngoại khoa	5	11	21	25	29
3	Sản phụ khoa	2	5	8	8	8
4	Tai Mũi Họng	4	6	12	19	20
5	Ung thư	0	2	3	4	4
7	Nhi khoa	2	4	7	10	12
8	Da liễu	0	2	4	8	11
9	Thần kinh	0	0	0	2	5
10	Chẩn đoán hình ảnh	0	0	0	0	9
Tổng		17	45	77	103	125
Thạc sỹ						
1	Nội khoa	21	40	26	41	54
2	Ngoại khoa	8	17	16	26	30
3	Y học chức năng	2	5	3	1	5
4	Nhi khoa	0	0	6	16	16
Tổng		31	62	51	84	105

Tiến sĩ						
1	Ngoại tiêu hóa	7	7	7	8	8
Tổng		7	7	7	8	8

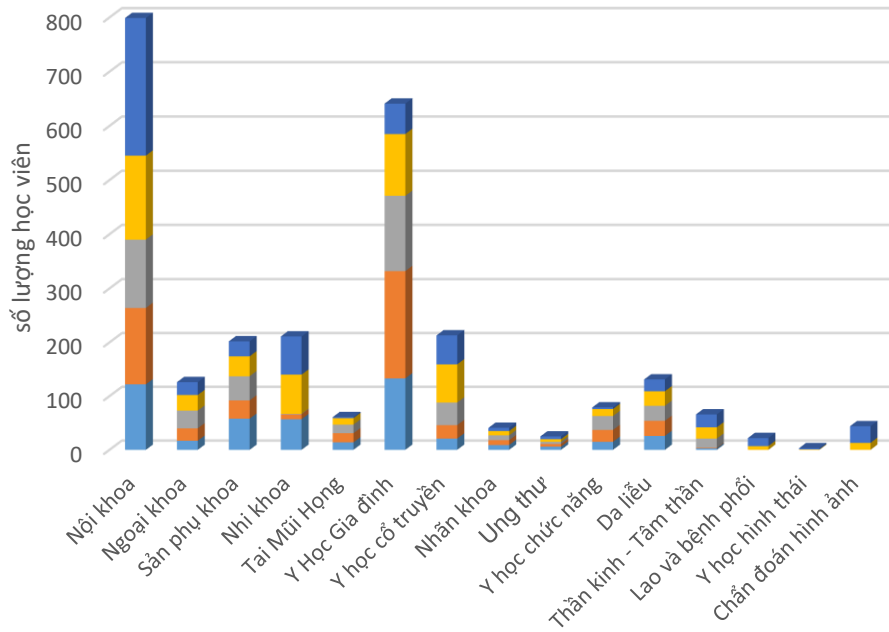
Chuyên khoa I		2015	2016	2017	2018	2019
1	Nội khoa	122	142	126	155	254
2	Ngoại khoa	17	23	33	29	24
3	Sản phụ khoa	58	34	45	37	28
4	Nhi khoa	57	9	1	73	71
5	Tai Mũi Họng	14	17	16	12	2
6	Y Học Gia đình	133	199	139	114	56
7	Y học cổ truyền	21	25	42	71	54
8	Nhãn khoa	9	9	9	8	6
9	Ung thư	6	5	4	5	5
10	Y học chức năng	15	22	26	13	3
11	Da liễu	26	28	28	27	22
12	Thần kinh - Tâm thần	3	1	17	21	24
13	Lao và bệnh phổi				7	15
14	Y học hình thái				1	2
15	Chẩn đoán hình ảnh				13	31
Tổng		62	779	874	989	1139

	2015	2016	2017	2018	2019
Chuyên khoa I	481	604	585	586	615
Chuyên khoa II	40	90	80	143	106
Bác sỹ nội trú	44	79	105	137	154
Thạc sỹ	68	81	109	190	212
Tiến sỹ	18	20	19	20	20



Biểu đồ 1. Qui mô đào tạo theo loại hình đào tạo từ 2015-2019

■ Chuyên khoa I ■ Chuyên khoa II ■ Bác sỹ nội trú ■ Thạc sỹ ■ Tiến sỹ



Biểu đồ 2. Qui mô đào tạo CK1 từ 2015-2019

■ 2015 ■ 2016 ■ 2017 ■ 2018 ■ 2019